

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 584/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 25 - 9 - 2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Minh Chánh;

Bà Lương Th Vy.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 432/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 493/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị N, sinh năm 1969; nơi cư trú: tổ 01, ấp Long B, xã Ô Long V, huyện CP, tỉnh An Giang, (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1967; nơi cư trú: tổ 01, ấp Long B, xã Ô Long V, huyện CP, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/6/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Tô Thị N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà và ông Tr tự tìm hiểu và sau đó chung sống vào năm 1996, có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Ô Long V, huyện CP, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông Tr thường hay ghen tuông vô cớ, không quan tâm vợ con nên từ đó vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 năm. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn ông Trần Văn Tr.

- *Về con chung*: Bà và ông Tr có 02 con chung tên Trần Văn H, sinh năm 1996 và Trần Thị Thanh Th, sinh năm 2004, hiện cháu H và cháu Th đã thành niên và có khả năng lao động được.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn Tr, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng ông Tr vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Tr.

Tại phiên tòa:

Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Tr vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa thấy rằng hôn nhân của bà N và ông Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Tr là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà N và ông Tr có 02 con chung tên Trần Văn H, sinh năm 1996 và Trần Thị Thanh Th, sinh năm 2004, hiện cháu H và cháu Th đã thành niên và có khả năng lao động được nên đề nghị không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Văn Tr có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Ô Long V, huyện CP. Bà N khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà N và ông Tr chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ô Long V, huyện CP, tỉnh An Giang nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn ông bà có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, ông Tr hay ghen vô cớ và không quan tâm vợ con, vợ chồng đã ly thân khoảng 03 năm Ny. Hiện Ny tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà N xin ly hôn với ông Tr. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho ông bà đoàn tụ nhưng ông Tr đều vắng mặt không tham gia, cũng không có văn bản trình bày ý kiến của ông, điều này chứng tỏ ông Tr không có thiện chí muốn hàn gắn với bà N, bà N có đơn xin không tiến hành hòa giải thể hiện rằng bà N kiên quyết ly hôn ông Tr. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng hiện bà N và ông Tr đã ly thân với nhau khoảng 03 năm Ny. Hội đồng xét xử xét thấy bà N đã kiên quyết ly hôn, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

- Về con chung: Bà N và ông Tr có 02 con chung tên Trần Văn H, sinh năm 1996 và Trần Thị Thanh Th, sinh năm 2004, hiện cháu H và cháu Th đã thành niên và có khả năng lao động được nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị N.

- Về hôn nhân: Bà Tô Thị N được ly hôn với ông Trần Văn Tr.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67 ngày 09/6/2008 của Ủy ban nhân dân xã Ô Long V, huyện CP, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà N và ông Tr có 02 con chung tên Trần Văn H, sinh năm 1996 và Trần Thị Thanh Th, sinh năm 2004, hiện cháu H và cháu Th đã thành niên và có khả năng lao động được nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Tô Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005770 ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- UBND xã Ô Long V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ